

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **45/2017/DS-ST**

Ngày: 26- 10- 2017

“T/c hợp đồng dân sự vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tới**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phan Văn Sơn**

2. Bà **Trương Thị Như Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Cao Vũ Linh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 26 tháng 10 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2017 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2017/QĐST- DS ngày 18 tháng 9 năm 2017, quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2017/QĐST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Q t d n d t t T 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Do ông **Huỳnh Chí T**, sinh năm 1952, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật (có mặt).

Địa chỉ: K p 3, t t T 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

2. Đồng bị đơn:

- Ông **Võ Văn Q**, sinh năm 1966 (vắng mặt);

- Bà **Phạm Mỹ D**, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 11 A, xã Đ H B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 14/4/2017 và biên bản hòa giải ngày 10/8/2017, người đại diện của nguyên đơn Q t d n d t t T 11 ông Huỳnh Chí T, ông Trần Công B trình bày và yêu cầu như sau:**

Vào ngày 12/1/2016 ông Võ Văn Q có vay của Q t d n d t t T 11, huyện An Minh 150.000.000 đồng, lãi suất 1,167%/tháng, lãi suất quá hạn 1,750%/tháng, thời hạn vay 12 tháng. Khi vay ông Q có thể chấp cho Q t d n d t t T 11, huyện An Minh 169 m² đất trồng lúa, giấy chứng nhận QSD đất số Đ 517278, do UBND huyện An

Minh cấp cho hộ ông (bà) Võ Văn Q ngày 04/10/2014. Từ ngày vay vốn đến nay ông Q, bà D không trả nợ gốc, lãi cho Q t d n d t t T 11, huyện An Minh.

Nay yêu cầu ông Q, bà D trả cho Q t d n d t t T 11, huyện An Minh số tiền là 192.300.000 đồng, trong đó: nợ gốc 150.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 35.301.000 đồng, lãi suất quá hạn 6.999.000 đồng.

*** *Tại biên bản hòa giải ngày 10/8/2017 bị đơn ông Võ Văn Q trình bày như sau:***

Tôi thừa nhận lời trình bày của ông B đại diện Q t d n d t t T 11 phía trên là đúng. Vào ngày 12/1/2016 tôi có vay của Q t d n d t t T 11, huyện An Minh số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 1,167%/tháng, lãi suất quá hạn 1,750%/tháng, thời hạn vay 12 tháng. Khi vay tôi có thể chấp cho Q t d 169 m² đất trồng lúa, giấy chứng nhận QSD đất số Đ 517278, do UBND huyện An Minh cấp ngày 04/10/2014. Từ ngày vay vốn đến nay tôi chưa trả cho Q t d n d t t T 11, huyện An Minh nợ gốc và lãi suất.

Nay tôi thống nhất trả cho Q t d n d t t T 11, huyện An Minh số tiền là 192.300.000 đồng, trong đó: nợ gốc 150.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 35.301.000 đồng, lãi suất quá hạn 6.999.000 đồng.

*** *Đồng bị đơn bà Phạm Mỹ D vắng mặt các lần hòa giải nên không có lời trình bày.***

*** *Tại phiên tòa:*** Người đại diện theo pháp luật của Q t d n d t t T 11, huyện An Minh ông Huỳnh Chí T yêu cầu ông Q, bà D trả cho Q t d n d t t T 11, huyện An Minh 196.417.000 đồng, trong đó tiền vốn vay là 150.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 38.044.000 đồng, lãi quá hạn 8.373.000 đồng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để trả nợ cho Q t d n d t t T 11 huyện An Minh.

Đồng bị đơn ông Võ Văn Q, bà Phạm Mỹ D vắng mặt không có lời trình bày.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ) nhưng bị đơn bà Phạm Mỹ D đều vắng mặt không lý do. Tại biên bản hòa giải ngày 10 tháng 8 năm 2017 giữa người đại diện của nguyên đơn và bị đơn ông Võ Văn Q đã thống nhất thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án nên Tòa án lập biên bản hòa giải thành, đến ngày 13 tháng 8 năm 2017 bị đơn ông Võ Văn Q có đơn xin thay đổi nội dung thỏa thuận với lý do: Thời gian theo thỏa thuận trong biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2017 là không đủ để ông Q lo tiền trả

nợ, nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Ngày 18 tháng 9 năm 2017 Tòa án ra quyết định xét xử và tổng đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng đồng bị đơn ông Q, bà D vắng mặt không lý do nên HĐXX thống nhất hoãn phiên Tòa và tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự nhưng đồng bị đơn ông Võ Văn Q, bà Phạm Mỹ D vẫn vắng mặt lần 2 nên HĐXX tiến hành xét xử vắng đồng bị đơn ông Võ Văn Q, bà Phạm Mỹ D theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại biên bản hòa giải ngày 10 tháng 8 năm 2017 giữa người đại diện nguyên đơn Q t d n d t t T 11 và bị đơn ông Võ Văn Q cùng thống nhất xác định ngày 12/01/2016 ông Võ Văn Q có vay của Q t d n d t t T 11, huyện An Minh 150.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 1,167%/tháng, lãi suất quá hạn 1,750%/tháng, mục đích vay vốn để sửa chữa nhà, thời hạn vay là 12 tháng nhưng đến nay ông Q, bà D không trả nợ vay (gốc và lãi) nên được xác định mối quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

[3] Về nội dung tranh chấp: Tại biên bản hòa giải ngày 10 tháng 8 năm 2017 giữa đại diện nguyên đơn Q t d n d t t T 11 và bị đơn ông Võ Văn Q cùng thống nhất xác định ngày 12/01/2016 ông Võ Văn Q có vay của Q t d n d t t T 11, huyện An Minh số tiền là 150.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 1,167%/tháng, lãi suất quá hạn 1,750%/tháng, mục đích để sửa chữa nhà, thời hạn vay là 12 tháng nhưng đến nay chưa trả nợ tiền vay (gốc và lãi) cho Q t d n d t t T 11. Bị đơn ông Võ Văn Q thừa nhận, tính đến ngày 10 tháng 8 năm 2017 vợ chồng ông còn nợ và đồng ý trả cho Q t d n d t t T 11, huyện An Minh 192.300.000 đồng, trong đó: Nợ gốc 150.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 35.301.000 đồng, lãi suất quá hạn 6.999.000 đồng và đồng ý trả cho Q t d một lần vào ngày 10/9/2017 nhưng đến ngày 13 tháng 10 năm 2017 bị đơn ông Võ Văn Q có đơn xin thay đổi sự thỏa thuận đó và cho đến nay ông Q, bà D chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho Q t d. Khi vay tiền thì ông Võ Văn Q có thể chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất diện tích 169.00 m², thửa số 156, tờ bản đồ 01, mục đích sử dụng 01 vụ lúa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Đ 517278, sổ vào sổ 000263 do Ủy ban nhân dân huyện An Minh cấp cho hộ ông (bà) Võ Văn Q ngày 24/10/2004, tọa lạc: ấp 11 A, xã Đ H B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang cho Q t d n d t t T 11, huyện An Minh để đảm bảo việc trả nợ.

Xét yêu cầu của Q t d tại phiên tòa, đối chiếu với hợp đồng tín dụng số 21/2016/HĐTD ngày 12/01/2016 giữa Q t d với vợ chồng ông Q, bà D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Yêu cầu của người đại diện của Q t d là có cơ sở phù hợp theo quy định tại điều 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Q t d n d t t T 11, buộc vợ chồng ông Võ Văn Q, bà Phạm Mỹ D trả cho Q t d n d t t T 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang 196.417.000 đồng,

trong đó: tiền vay là 150.000.000 đồng, lãi suất đến ngày hôm nay (26/10/2017) là lãi suất trong hạn 38.044.000 đồng ($150.000.000 \text{ đ} \times 1,167\%/ \text{tháng} \times 652 \text{ ngày}$), lãi suất quá hạn là 8.373.000 đồng ($150.000.000 \text{ đ} \times 0,583\%/ \text{tháng} \times 287 \text{ ngày}$).

[4]. Về án phí: Đồng bị đơn ông Võ Văn Q, bà Phạm Mỹ D bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.820.850 đồng ($196.417.000 \text{ đ} \times 5\%$), nguyên đơn Q t d n d t t T 11 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Q t d n d t t T 11, huyện An Minh 4.483.025 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0000350 ngày 08/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Q t d n d t t T 11, huyện An Minh.

Buộc vợ chồng ông Võ Văn Q, bà Phạm Mỹ D trả cho Q t d n d t t T 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang 196.417.000 đồng (trong đó: tiền vay là 150.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 38.044.000 đồng, lãi suất quá hạn là 8.373.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 21/2016/HĐTD ngày 12/01/2016. Đồng thời Chi cục thi hành án dân sự có quyền bán tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 169.00 m², thửa số 156, tờ bản đồ 01, loại đất 01 lúa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Đ 517278, sổ vào sổ 000263 do Ủy ban nhân dân huyện An Minh cấp cho hộ ông (bà) Võ Văn Q ngày 24/10/2004, tọa lạc: ấp 11 A, xã Đ H B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang để thi hành án.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Buộc đồng bị đơn ông Võ Văn Q, bà Phạm Mỹ D chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.820.850 đồng. Hoàn trả lại cho Q t d n d t t T 11, huyện An Minh 4.483.025 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0000350 ngày 08/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Báo quyền kháng: Đại diện nguyên đơn Q t d n d t t T 11, huyện An Minh có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/10/2017). Bị đơn ông Võ Văn Q, bà Phạm Mỹ D vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện AM
- Chi cục THADS huyện AM;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới